TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: **14**/2018/HNGĐ-ST Ngày: 08-02-2018 V/v: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý

2. Ông Nguyễn Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 08/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 967/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị L, sinh năm 1992; cư trú tại: đường L, Tổ 37, Khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Đinh Hữu H, sinh năm 1991; cư trú tại: đường L, Tổ 37, Khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị L trình bày:

Chị L và anh Đinh Hữu H quen biết, có thời gian tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý nên đã tiến tới hôn nhân vào năm 2008. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 22/6/2012. Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được thời gian đầu; những năm gần đây vợ chồng thường hay bất hòa, không khí gia đình luôn ngột ngạt, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống.

Hiện nay, không ai quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung là cháu Đinh Nhật H1, sinh ngày 17/7/2010. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu H1, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 23/01/2018, bị đơn anh Đinh Hữu H trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị Phan Thị L chung sống với nhau vào năm 2008, đến năm 2012 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn nên trước yêu cầu được ly hôn của chị L thì anh H cũng đồng ý.

Về con chung: Anh H và chị L có 01 con chung là cháu Đinh Nhật H1, sinh ngày 17/7/2010. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu H1, không yêu cầu anh H cấp dưỡng anh H cũng đồng ý, không có ý kiến gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn chị Phan Thị L và bị đơn anh Đinh Hữu H có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định. Do các đương sự có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 29/11/2017, chị Phan Thị L có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Đinh Hữu H nên đây là vụ án "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[1.2]. *Về thẩm quyền*: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn anh Đinh Hữu H đang cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản

1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[1.3]. *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự*: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị L và bị đơn anh Đinh Hữu H vắng mặt, đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với chị L và anh H.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Ngày 22/6/2012, chị L và anh H đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã (Nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa chị L và anh H là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa chị L và anh H là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị L xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hiện nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Việc, chị L và anh H không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, anh H cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng và cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa chị L và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L được ly hôn với anh H.

[2.2]. *Về con chung*: Chị L và anh H có 01 con chung là cháu Đinh Nhật H1, sinh ngày 17/7/2010. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con chung và anh H cũng đồng ý nên giao cháu H1 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp nên yêu cầu của chị L về phần con chung được chấp nhận.

[2.3]. *Về cấp dưỡng*: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3]. Tại Tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T là có cơ sở.

[4]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị L phải chịu 300.000 đồng; anh H không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị L về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn là anh Đinh Hữu H.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phan Thị L được ly hôn với anh Đinh Hữu H.

1.2. *Về con chung*: Chị Phan Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đinh Nhật H1, sinh ngày 17/7/2010.

1.3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

1.4. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phan Thị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017558 ngày 06/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Vọng